TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/8/2018
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Tấn Nhàn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đỗ Thị Mỹ Hạnh**.

2. Ông **Đỗ Thành Ngọc**.

T ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Vân,** T ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Lâm Thúy Vi,** Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 về trA chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **LNA**, sinh năm 1951(Có mặt).

Địa chỉ: Số 46/7, ấp TT, xã TH, huyện HT, tỉnh TN

2. Bị đơn: Bà **LTL**, sinh năm 1952 (Có mặt).

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu Tờng trú: Số 46/7, ấp TT, xã TH, huyện HT, tỉnh TN

Địa chỉ nơi cư trú hiện nay: Số 113, ấp TT, xã TH, huyện HT, tỉnh TN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện ngày 1010/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông LNA trình bày*:**

Ông và bà LTL chung sống từ năm 1979 và đăng ký kết hôn ngày 10/12/1979 tại Ủy ban nhân dân xã Trường Hòa, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây

Ninh. Ông không nhớ chung sống hạnh phúc đến thời gian nào, vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn suốt thời gian dài. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, bà L có quan hệ tình cảm với người khác thì ông không đồng ý và nhiều lần khuyên bảo bà L nhưng bà L không thay đổi.

Năm 2015, ông nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà L nhưng sau đó ông rút đơn vì ông chỉ muốn cảnh báo để bà L thay đổi. Tuy nhiên, sau khi rút đơn khởi kiện thì bà L chuyển về sinh sống cùng con trai thứ nhất, ông sống cùng con trai tên LAK nhưng Khoa nghe lời bà L ngược đãi ông. Do tình cảm vợ chồng không còn nên nay ông yêu cầu ly hôn với bà L để sắp xếp lại cuộc sống của ông.

Về con chung: Có 03 con chung LAT, sinh ngày 06/12/1980, LAK, sinh ngày 19/6/1983 và LNA T, sinh ngày 14/7/1984. Do 03 con chung đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có tài sản chung nhưng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông trình bày không có.

Không có ai khác nợ lại ông và bà L.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2018, ngày 26/7/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà LTL trình bày:

Bà thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông A về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông A quan hệ tình cảm với người khác, bà và các con đã nhiều lần khuyên can nhưng ông A là người gia trưởng, không nghe lời khuyên can của vợ con. Mỗi lần quan hệ với người khác về thì ông A đều yêu cầu bà viết giấy ly thân để đem đi cho người phụ nữ mà ông A đang quan hệ tình cảm biết là vợ mình ở nhà đồng ý để ông quan hệ tình cảm với người khác. Đến năm 2015, ông A nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà với lý do theo bà nghĩ là ông A có quan hệ tình cảm với người khác, sau đó ông A rút lại đơn khởi kiện. Kể từ khi rút lại đơn khởi kiện thì bà và ông A về chung sống một nhà khoảng 3 tháng thì bà chuyển về sống chung cùng con trai thứ nhất và bà, ông A ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà không còn tình cảm với ông A, tuy nhiên, do bà muốn vấn đề tài sản chung phải rõ ràng trước khi ly hôn thì bà mới đồng ý ly hôn với ông A.

Về con chung: Có 03 con chung như lời trình bày của ông A. Do con chung đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà trình bày có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà muốn ông A phải giữ nguyên phần tài sản chung đó, không được bán cho người khác để sau này để lại cho người con tên LAK.

Về nợ chung: Bà trình bày không có.

Không có ai khác nợ lại bà và ông L.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký tiến hành giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Ông A và bà L chung sống với nhau vào năm 1979, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Hòa. Thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Ông A trình bày nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, bà L quan hệ tình cảm với người khác, còn theo bà L nguyên nhân là do ông A gia trưởng và có quan hệ tình cảm với người khác. Có 3 con chung LAT sinh năm 1980, LAK sinh năm 1983, LNA T sinh năm 1984.

Xét thấy, ông A và bà L phát sinh nhiều mâu Thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, năm 2015 ông A đã khởi kiện ly hôn, sau đó rút đơn nhưng không thể hàn gắn và sống ly thân từ đó đến nay. Tại phiên tòa, ông A giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn bà L và bà L đồng ý nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông A và bà L. Con chung đã thành niên không yêu cầu giải quyết, tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trA tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân của ông LNA và bà LTL thấy rằng: Ông A và bà L chung sống với nhau vào năm 1979, đăng ký kết hôn ngày 10/12/1979 tại Ủy ban nhân dân xã Trường Hòa, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Theo ông A thì ông không nhớ chung sống hạnh phúc đến thời gian nào, nhưng vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn suốt thời gian dài. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, bà L có quan hệ tình cảm với người khác thì ông không đồng ý và nhiều lần khuyên bảo bà L nhưng bà L không thay đổi. Còn theo bà L thì bà và ông A chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông A quan hệ tình cảm với người khác, bà và các con đã nhiều lần khuyên can nhưng ông A là người gia trưởng, không nghe lời khuyên can của vợ con. Xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc ông A cho rằng bà L quan hệ tình cảm với người khác, ngược lại bà L cho rằng ông A quan hệ tình cảm với người khác, từ đó dẫn đến việc ông A nộp đơn xin ly hôn bà L vào năm 2015 và sau khi rút đơn khởi kiện ông A, bà L ly thân nhau từ đó đến nay. Ngoài ra nguyên nhân mâu thuẫn khác là do ông A và bà L bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn kéo dài.

Tại phiên tòa, ông A giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn bà L và bà L đồng ý nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông A và bà L.

[2] Về con chung: Ông A và bà L có 03 con chung LAT, sinh ngày 06/12/1980, LAK, sinh ngày 19/6/1983 và LNA T, sinh ngày 14/7/1984. Do 03 con chung đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông A, bà L trình bày có nhưng ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Nợ chung: Ông A, bà L trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Ông A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Hòa Thành là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1-Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông LNA và bà LTL.

2. Về con chung: Ông LNA và bà L Thị L có 03 con chung LAT, sinh ngày 06/12/1980, LAK, sinh ngày 19/6/1983 và LNA T, sinh ngày 14/7/1984 đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông LNA, bà LTL không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông LNA, bà LTL trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí:

Ông LNA phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004991 ngày 29/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Ông A, bà L có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

LÂM TẤN NHÀN